

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG HÀN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT
ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	5
1. Mục tiêu chung.....	5
2. Mục tiêu cụ thể.....	5
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	5
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung	5
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.....	6
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	14
1. Nội dung khái quát.....	14
2. Nội dung cụ thể	15
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	37
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	38
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	39

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

1. Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 là môn học tự chọn, được tổ chức giảng dạy có thể từ lớp 6 đến hết lớp 12, giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực ngoại ngữ để sử dụng một cách tự tin, hiệu quả, phục vụ cho việc học tập và giao tiếp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước. Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các chủ đề và kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm, chữ Hàn, từ vựng, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh và được tích hợp trong quá trình rèn luyện, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

2. Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được xây dựng theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam** với tổng thời lượng là 735 tiết (mỗi tiết là 45 phút) bao gồm cả các tiết ôn tập, kiểm tra và đánh giá. Chương trình được chia thành hai giai đoạn. Kết thúc giai đoạn 1, trình độ năng lực giao tiếp bằng tiếng Hàn của học sinh tương đương với Bậc 1; kết thúc giai đoạn 2, trình độ năng lực giao tiếp bằng tiếng Hàn của học sinh tương đương với Bậc 2; Thời lượng dành cho giai đoạn 1 là 420 tiết (trong 4 năm học), dành cho giai đoạn 2 là 315 tiết (trong 3 năm học). Nội dung chương trình được xây dựng theo hệ thống các chủ đề, bao gồm các lĩnh vực gần gũi trong cuộc sống hằng ngày, phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, về đất nước, con người, văn hoá Hàn Quốc, Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ, tri thức văn hoá, xã hội liên quan đến các chủ đề, chủ đề và rèn luyện, phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản, bồi dưỡng khả năng vận dụng ngôn ngữ toàn diện cho học sinh.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình tuân thủ và chi tiết hóa các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* về định hướng chung cho tất cả các môn và định hướng xây dựng chương trình môn Ngoại ngữ.

2. Chương trình được thiết kế dựa trên các cơ sở lý luận và kết quả nghiên cứu mới nhất về khoa học giáo dục, tâm lý học, ngôn ngữ học và phương pháp dạy học ngoại ngữ; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngoại ngữ của Việt Nam

* Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*, 2014.

và xu thế quốc tế trong phát triển chương trình giáo dục nói chung và chương trình môn Ngoại ngữ nói riêng những năm gần đây, nhất là của những quốc gia phát triển; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, chú ý đến sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

3. Chương trình được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, đảm bảo hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Hàn cho học sinh thông qua các hoạt động giao tiếp: nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, chính tả), văn hoá và xã hội là phương tiện để hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp.

4. Chương trình được thiết kế theo cách tiếp cận chuẩn đầu ra thể hiện qua việc chỉ quy định các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) cho mỗi bậc học và mỗi năm học, đảm bảo tính liên thông và tiếp nối giữa Bậc 1 và Bậc 2, giữa các cấp học, năm học trong từng bậc của môn Tiếng Hàn; đảm bảo tích hợp giữa các chủ điểm và chủ đề, tích hợp 4 kĩ năng giao tiếp, tích hợp giữa ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2, tích hợp với nội dung có liên quan của các môn học khác trong chương trình Giáo dục phổ thông. Chương trình được cấu trúc xoay quanh hệ thống chủ điểm và chủ đề. Một chủ điểm bao gồm nhiều chủ đề. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và môi trường sinh hoạt, học tập của học sinh. Hệ thống chủ điểm và chủ đề được lặp lại, mở rộng và phát triển theo từng cấp, từng năm học. Sau khi học xong Chương trình, học sinh đạt trình độ tiếng Hàn Bậc 2 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

5. Chương trình đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với từng điều kiện dạy học tiếng Hàn của các vùng miền, địa phương, không quy định bắt buộc mà chỉ đưa ra định hướng nội dung dạy học cụ thể, một mặt để chương trình mở, mềm dẻo và linh hoạt, mặt khác để tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 cung cấp cho học sinh kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Hàn một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Trang bị cho người học những kiến thức tiếng Hàn cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản phù hợp với tình huống trong giao tiếp hằng ngày ở trình độ Bậc 2 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

b) Hình thành năng lực sử dụng tiếng Hàn như một ngoại ngữ ở trình độ sử dụng ngôn ngữ một cách độc lập, thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó chú trọng hai kỹ năng nghe và nói để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp bằng tiếng Hàn một cách tự tin trong những tình huống giao tiếp hằng ngày;

c) Trang bị cho người học những hiểu biết cần thiết về văn hoá, đất nước và con người Hàn Quốc, phục vụ cho mục tiêu học tập của người học;

d) Tạo hứng thú và thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực tiếng Hàn như sau:

Giai đoạn 1

Sau khi kết thúc giai đoạn 1, học sinh cần đạt trình độ tiếng Hàn Bậc 1 theo *Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là:

“Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân, bạn bè... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ”.

Trình độ tiếng Hàn Bậc 1 được phân thành 4 bậc nhỏ, tương đương với 4 năm học:

Bậc 1.1: Năm học thứ 1

Bậc 1.2: Năm học thứ 2

Bậc 1.3: Năm học thứ 3

Bậc 1.4: Năm học thứ 4

Giai đoạn 2

Sau khi kết thúc giai đoạn 2, học sinh cần đạt trình độ tiếng Hàn Bậc 2 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là:

“Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu”.

Trình độ tiếng Hàn Bậc 2 được phân thành 3 bậc nhỏ tương ứng với 3 năm học tiếp theo:

Bậc 2.1: Năm học thứ 5

Bậc 2.2: Năm học thứ 6

Bậc 2.3: Năm học thứ 7

2.1. Yêu cầu cần đạt về kỹ năng ngôn ngữ

Bậc 1

Kỹ năng ngôn ngữ	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
Nghe	<p>Nghe và phân biệt được phụ âm thường, âm căng, âm bật hơi, phụ âm cuối theo đơn vị từ, hiện tượng nối âm đơn giản trong tiếng Hàn.</p> <p>Nghe hiểu được những từ và cụm từ thông dụng trong những hoạt động giao tiếp hằng ngày như chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi...</p> <p>Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn rất đơn giản trong lớp học.</p>	<p>Nghe và nhận biết được các phụ âm thường, âm căng, âm bật hơi, phụ âm cuối theo đơn vị câu và một số hiện tượng biến âm đơn giản trong tiếng Hàn.</p> <p>Nghe hiểu được hội thoại, thông tin đơn giản với tốc độ nói chậm, rõ ràng về các chủ đề liên quan đến cá nhân đơn giản (ví dụ như giới thiệu bản thân, gia đình, ước mơ...).</p>	<p>Nghe và nhận biết chính xác được các phụ âm thường, âm căng, âm bật hơi, phụ âm cuối và một số hiện tượng biến âm thường gặp trong tiếng Hàn.</p> <p>Nghe hiểu được hội thoại, thông tin ngắn, đơn giản với tốc độ chậm về các chủ đề liên quan đến giao tiếp thông dụng (ví dụ như mua bán đơn giản, thời tiết, sở thích...).</p>	<p>Nghe và nhận biết chính xác các phụ âm thường, âm căng, âm bật hơi, âm mũi, âm tron, phụ âm cuối, một số hiện tượng biến âm thường gặp và một số âm đặc biệt trong tiếng Hàn.</p> <p>Nghe hiểu được hội thoại, thông tin ngắn liên quan đến chủ đề giao tiếp thông dụng (chỉ đường, giao thông, hẹn gặp...).</p>
Nói	<p>Nói đúng các từ, cụm từ đã học.</p> <p>Nói được các câu chào hỏi</p>	<p>Nói được câu đơn với từ vựng, ngữ pháp đã học về các chủ đề đơn giản liên quan đến bản thân, gia</p>	<p>Nói được câu ghép bằng việc sử dụng một số đuôi từ liên kết đơn giản và từ vựng, ngữ pháp đã học về</p>	<p>Phát ngôn chậm, rõ ràng, chính xác với từ vựng, ngữ pháp đã học về các chủ đề đơn giản liên quan</p>

Kĩ năng ngôn ngữ	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	<p>đơn giản.</p> <p>Có thể nói được câu đơn giản với nội dung giới thiệu bản thân (họ tên, nghề nghiệp, quốc tịch...).</p> <p>Nói được các câu chỉ dẫn đơn giản trong lớp học.</p>	<p>đình, lớp học...</p> <p>Biết cách đặt câu hỏi và trả lời về thông tin cá nhân (bản thân, gia đình...) hoặc những giao tiếp đơn giản (hẹn gặp, hoạt động ở trường...).</p> <p>Biết cách gọi tên và mô tả vị trí một số sự vật gần gũi, quen thuộc.</p>	<p>các chủ đề đơn giản liên quan đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày...</p> <p>Thực hiện được hội thoại ngắn hoặc những thông báo đơn giản với tốc độ chậm, rõ ràng về các chủ đề giao tiếp thông dụng (mua sắm đơn giản, thời tiết, sở thích...).</p>	<p>đến cuộc sống sinh hoạt, một số vấn đề xã hội đơn giản (giao thông, thời tiết...).</p> <p>Thực hiện được hội thoại ngắn hoặc diễn đạt những thông báo ngắn với tốc độ nói chậm, rõ ràng, biết biểu hiện cảm xúc, thái độ một cách đơn giản.</p>
Đọc	<p>Đọc và hiểu được những từ quen thuộc, câu đơn giản.</p> <p>Đọc hiểu được các chỉ dẫn ngắn, đơn giản, đặc biệt khi có sự hỗ trợ của hình hoạ, tranh ảnh.</p>	<p>Đọc và hiểu được những câu đơn giản và nhận ra được từ ngữ đơn lẻ trong văn bản, trên cơ sở đó dự đoán được chủ đề của bài đọc.</p> <p>Đọc hiểu và rút ra được thông tin chính của các đoạn văn đơn giản về các chủ đề đã học.</p>	<p>Đọc hiểu được một số câu ghép có nội dung liên quan đến chủ đề đã học với các từ vựng, ngữ pháp đã học.</p> <p>Đọc hiểu bài viết đơn giản và rút ra được những thông tin quan trọng của các bài viết với chủ đề đã học.</p>	<p>Đọc hiểu được các bài viết đơn giản với ngữ cảnh mở rộng về các vấn đề xuất hiện trong chương trình và rút ra được những thông tin quan trọng của bài viết, cũng như hiểu được cấu trúc của bài viết.</p>

Kĩ năng ngôn ngữ	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
Viết	Viết đúng theo quy tắc viết chữ của tiếng Hàn. Biết cách điền thông tin cá nhân vào các mẫu rất đơn giản.	Viết được các câu trả lời rất đơn giản. Có khả năng sắp xếp các từ ngữ cho sẵn thành câu đơn giản; sắp xếp các câu ngắn thành đoạn văn theo các chủ đề quen thuộc.	Có thể viết câu đơn, viết đoạn văn ngắn về các chủ đề quen thuộc (giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, hoạt động cuối tuần...)	Sử dụng được các cấu trúc đơn giản để trình bày ý kiến cá nhân về một chủ đề đã học dưới dạng bài viết (thư từ, thông báo...)

Bậc 2

Kĩ năng ngôn ngữ	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7
Nghe	<p>Nghe hiểu và rút ra được thông tin quan trọng trong các hội thoại, câu chuyện về những chủ đề liên quan đến giao tiếp nơi công cộng (nhà vãng, gọi điện, ở bưu điện, nhà ga...).</p> <p>Nghe hiểu và đoán được chủ đề của những thông báo ngắn gọn, được diễn đạt rõ ràng, tường minh như thông báo ở sân bay, tàu điện ngầm...</p>	<p>Nghe hiểu được và theo dõi được những diễn biến trong những hội thoại, câu chuyện đơn giản, phù hợp với lứa tuổi như hướng dẫn trò chơi, lịch sinh hoạt hằng ngày...</p> <p>Nghe hiểu được nội dung của những thông báo ngắn gọn, được diễn đạt rõ ràng, tường minh như thông báo ở sân bay, tàu điện ngầm, nhà ga...</p>	<p>Nghe hiểu được nội dung quan trọng của những hội thoại, câu chuyện đơn giản về chủ đề cuộc sống xã hội.</p> <p>Nghe hiểu và rút ra được những thông tin cơ bản từ những đoạn nghe có sử dụng phương tiện nghe nhìn như chương trình dự báo thời tiết, quảng cáo, tin vắn...</p>
Nói	<p>Diễn đạt chính xác các thông tin liên quan đến cá nhân.</p> <p>Tham gia những tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với bản thân (chào hỏi, làm quen, trao đổi thông tin đơn giản...).</p>	<p>Tham gia một số tình huống giao tiếp ở mức độ phức tạp hơn (như tình huống giao tiếp tại các địa điểm công cộng, tình huống trang trọng...).</p> <p>Phân biệt được sắc thái của một số từ vựng, ngữ pháp và có ý thức lựa chọn để sử dụng trong giao tiếp.</p>	<p>Có thể kể về sự kiện, hiện tượng một cách đơn giản, cũng như trình bày tóm tắt về nội dung của một bài khoá một cách đơn giản.</p> <p>Biểu đạt được quan điểm, thái độ khi tham gia thảo luận về những chủ đề đơn giản.</p>
Đọc	<p>Đọc và rút ra được những thông tin chính, quan trọng từ những đoạn văn, bài đọc có chủ đề quen</p>	<p>Đọc hiểu được các văn bản ngắn viết về chủ đề xã hội đơn giản và rút ra được chủ đề, nội dung chính</p>	<p>Đọc và hiểu được những mẫu chuyện ngắn, phù hợp với lứa tuổi, mang tính phổ thông thường thức, được biên</p>

Kĩ năng ngôn ngữ	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7
	thuộc, gần gũi trong cuộc sống hằng ngày.	của văn bản đó.	soạn dành riêng cho giờ học ngoại ngữ.
Viết	Viết được đoạn văn ngắn có nội dung đơn giản, miêu tả về bản thân, gia đình, bạn bè, một số hoạt động đơn giản thường nhật...	Viết được đoạn văn ngắn với chủ đề trao đổi thông tin, miêu tả hoạt động, có bố cục rõ ràng, có trình tự thời gian và không gian nhất định, thể hiện tâm trạng, cảm xúc một cách đơn giản (thư từ, tin nhắn...)	Viết một đoạn văn ngắn với bố cục rõ ràng, thể hiện ý kiến, quan điểm, lí do và cảm xúc ở mức độ đơn giản.

2.2. Yêu cầu cần đạt về kiến thức ngôn ngữ

Bậc 1

Kiến thức ngôn ngữ	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
Ngữ âm	Hiểu được cấu tạo của chữ Hangeul và phát âm đúng phụ âm và nguyên âm của tiếng Hàn. Phát âm đúng hiện tượng nối âm.	Phát âm đúng các phụ âm ở vị trí phụ âm cuối và phát âm rõ các âm thường, âm căng, âm bật hơi... Phát âm đúng một số hiện tượng biến âm.	Phát âm chuẩn xác từ, cụm từ và một số hiện tượng biến âm thường gặp. Thể hiện đúng ngữ điệu của một số kiểu câu cơ bản (nghi vấn, trần thuật...).	Phát âm chuẩn xác các âm trong tiếng Hàn và các hiện tượng biến âm thông dụng. Phát âm đúng một số âm đặc biệt trong tiếng Hàn.

Kiến thức ngôn ngữ	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
Từ vựng	Hiểu nghĩa và sử dụng được những từ vựng cơ bản thuộc phạm vi giao tiếp đơn giản nhất (chào hỏi, giới thiệu bản thân...).	Hiểu nghĩa và sử dụng được những từ vựng liên quan đến mô tả đơn giản về bản thân, gia đình, bạn bè, những giao tiếp trao đổi thông tin đơn giản (nói về bản thân, gia đình, nghề nghiệp mơ ước...).	Hiểu nghĩa và sử dụng được những từ vựng cơ bản thuộc phạm vi sinh hoạt đời thường (hỏi đường, mua sắm đơn giản...).	Hiểu nghĩa và sử dụng được những từ vựng cơ bản thuộc phạm vi cuộc sống sinh hoạt thường ngày (thời gian biểu cá nhân, gia đình, thời tiết, hoạt động sở thích...) Hiểu và sử dụng được một số từ kính ngữ thông dụng. Sau khi kết thúc năm thứ 4, lượng từ vựng cần đạt được là khoảng 800 từ.
Ngữ pháp	Sử dụng được quy tắc tạo mệnh đề/câu cơ bản trong tiếng Hàn (động từ làm vị ngữ luôn đứng ở cuối câu/mệnh đề, hiện tượng chắp dính). Hiểu và vận dụng được những hiện tượng ngữ pháp đơn giản nhất trong giới thiệu bản thân, gia đình... (tiểu từ chỉ cách, một số đuôi từ kết thúc cơ bản...)	Hiểu và vận dụng các hiện tượng ngữ pháp căn bản nhất trong tiếng Hàn (tiểu từ chỉ cách, một số tiểu từ bổ trợ, một số đuôi từ kết thúc cơ bản, số từ...) để có thể giao tiếp đơn giản (giới thiệu, miêu tả đơn giản...).	Hiểu và vận dụng đúng các hiện tượng ngữ pháp cần thiết để diễn tả những hoạt động thường xuyên hằng ngày (thời thể, một số đuôi từ liên kết đơn giản...).	Hiểu và vận dụng chính xác các hiện tượng ngữ pháp trong giao tiếp đơn giản, miêu tả sự vật, hoạt động thường ngày của bản thân, gia đình, bạn bè... (một số đuôi từ liên kết thông dụng, một số động từ bất quy tắc, một số đuôi câu kính ngữ...).

Bậc 2

Kiến thức ngôn ngữ	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7
Ngữ âm	Phát âm chuẩn xác câu ngắn trong tiếng Hàn.	Phát âm chuẩn xác câu phức (biết cách ngắt nghỉ, thể hiện sắc thái của câu nói).	Phát âm rõ ràng, lưu loát câu tiếng Hàn (phát âm đúng hiện tượng nối âm, hiện tượng biến âm thông dụng, một số âm đặc biệt...).
Từ vựng	Hiểu nghĩa và sử dụng được những từ vựng cơ bản liên quan đến các tình huống giao tiếp xã hội đơn giản (thăm hỏi, nhờ vả, đề nghị...).	Sử dụng một số từ đồng nghĩa, liên tưởng đến từ trái nghĩa, bước đầu biết suy luận nghĩa chữ Hán của từ.	Hiểu và sử dụng các từ kính ngữ và một số thành ngữ để làm phong phú thêm cách diễn đạt. Sau khi kết thúc năm thứ 7, lượng từ vựng cần đạt được khoảng 1500 từ (bao gồm cả từ vựng ở Bậc 1).
Ngữ pháp	Hiểu và vận dụng các hiện tượng ngữ pháp căn bản để diễn đạt đúng và đủ ý về chủ đề giới thiệu bản thân, gia đình, hoạt động thường ngày...	Hiểu và vận dụng các hiện tượng ngữ pháp căn bản để thực hiện các hoạt động giao tiếp hoặc trình bày về các chủ đề liên quan đến trao đổi thông tin, miêu tả về sự vật, hoạt động một cách đơn giản (so sánh, đưa ra kinh nghiệm, lời khuyên...)	Hiểu và vận dụng được khoảng 100 hiện tượng ngữ pháp cơ bản (bao gồm cả hiện tượng ngữ pháp của Bậc 1) để thực hiện được các giao tiếp hoặc diễn đạt các nội dung về một số chủ đề quen thuộc liên quan đến cá nhân và môi trường xung quanh, một số vấn đề xã hội, trong đó có thể hiện quan điểm, thái độ của cá nhân một cách đơn giản, đưa ra phỏng đoán, giả định...

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Chương trình trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tiếng Hàn ở trình độ bậc 2 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*, tương đương với trình độ A2 của *Khung tham chiếu châu Âu về Ngoại ngữ (CEFR)* và trình độ tiếng Hàn cấp 2 của *Kì thi đánh giá năng lực tiếng Hàn (TOPIK)*. Chương trình giúp người học hình thành năng lực sử dụng tiếng Hàn cơ bản, có khả năng giao tiếp bằng tiếng Hàn một cách tự tin trong những tình huống giao tiếp gần gũi, quen thuộc trong đời sống thường nhật, tạo tiền đề cho việc làm chủ và sử dụng tiếng Hàn thành thạo như một công cụ giao tiếp mới, tạo hứng thú và thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kì hội nhập.

Chương trình tập trung vào 4 chủ điểm lớn, gần gũi, quen thuộc với học sinh phổ thông, đó là: Cuộc sống thường nhật (일상 생활), Nhà trường (학교), Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연), Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회). Bốn chủ điểm này được cụ thể hoá thành các chủ đề tương ứng, có căn cứ vào mức độ yêu cầu của kĩ năng giao tiếp, năng lực hành động và tâm sinh lí của lứa tuổi học sinh phổ thông.

Năng lực giao tiếp của người học trong Chương trình là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ tiếng Hàn để tham gia vào quá trình giao tiếp thông qua 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết một cách phù hợp trong những tình huống cụ thể. Trong Chương trình này, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua chức năng và nhiệm vụ giao tiếp. Cụ thể:

– *Thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội*: chào hỏi, giới thiệu bản thân và người khác, làm quen, hỏi thăm sức khoẻ, hẹn gặp, mời, xin lỗi, cảm ơn, bày tỏ sự cảm thông, hỏi thăm...

– *Tìm hiểu thông tin và truyền đạt thông tin*: hỏi và cung cấp thông tin cơ bản (về tên, thời tiết, ngày tháng, số điện thoại, chỉ đường...), hỏi thông tin và miêu tả về người (đặc điểm về diện mạo, tính cách, sở thích...), hỏi và trả lời thông tin về hoạt động, sự kiện (thời gian, địa điểm, diễn biến...), hỏi thông tin và trả lời về đặc điểm của sự vật (giá cả, màu sắc, kích thước...).

– *Thể hiện cảm xúc, thái độ và quan điểm*: diễn đạt sự vui mừng, nỗi lo lắng, sự ngạc nhiên...; bày tỏ quan điểm đồng tình/ phản đối, sự quan tâm/ không quan tâm, sự hưởng ứng/ không hưởng ứng, sự hài lòng/ không hài lòng, sự thiện cảm/ không thiện cảm...

Kiến thức ngôn ngữ trong chương trình gồm kiến thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp được xác định theo từng trình độ, cụ thể:

– Từ vựng: Số lượng từ vựng cần đạt được trong chương trình môn Tiếng Hàn phổ thông là khoảng 800 từ đối với Bậc 1 và 1500 từ (bao gồm cả từ vựng Bậc 1) đối với Bậc 2 (tham khảo Phụ lục).

– Ngữ pháp: Nội dung ngữ pháp bao gồm những ngữ pháp cơ bản ứng với trình độ Bậc 1 và Bậc 2. Các dạng thức ngữ pháp cần được đưa vào từng bậc trình độ theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp (tham khảo Phụ lục).

– Ngữ âm: Nội dung ngữ âm trong chương trình tiếng Hàn phổ thông bao gồm các nguyên âm, phụ âm, nguyên âm đôi, phụ âm căng, phụ âm cuối câu, các quy tắc phát âm cơ bản như hiện tượng luyện âm, một số hiện tượng biến âm, một số âm đặc biệt...

Kiến thức văn hoá trong chương trình gồm những kiến thức hiểu biết cơ bản về văn hoá Hàn Quốc, phù hợp với đặc điểm tâm lí của lứa tuổi học sinh phổ thông, khơi gợi hứng thú của người học. Những kiến thức văn hoá này chủ yếu là những nội dung văn hoá thường gặp trong cuộc sống hằng ngày: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, ẩm thực, du lịch, giải trí...

2. Nội dung cụ thể

Bậc 1.1: Năm thứ 1

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Cuộc sống thường nhật (일상 생활)	– Chào hỏi, làm quen – Giới thiệu – Gia đình, bạn bè	Nghe: – Hiểu được các từ ngữ đơn giản và thông dụng (ví dụ “chào hỏi”, “cảm	Ngữ âm: – Nhận biết được phụ âm thường, phụ âm căng, phụ

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	<ul style="list-style-type: none"> – Sức khỏe – Đi lại – Mua sắm – Giải trí – Sở thích, ước mơ – Diện mạo, tính cách – Năng lực 	<p>on”, “xin lỗi”, “có”, “không”, tên gọi một số đồ vật quen thuộc trong lớp học...).</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu một số mẫu câu về làm quen, giới thiệu (câu chào thông dụng, giới thiệu tên, giới thiệu quốc tịch, giới thiệu nghề nghiệp). – Hiểu khi người khác tự giới thiệu và rút ra được những thông tin quan trọng đơn giản như tên, quốc tịch, nghề nghiệp của họ... – Hiểu được một số chỉ lệnh đơn giản trong lớp học. <p>Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nói được câu chào khi gặp mặt và chia tay. – Giới thiệu đơn giản về bản thân (tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). – Giới thiệu đơn giản về thành viên trong gia đình, bạn bè (tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). – Hỏi và trả lời về các thông tin đơn 	<p>âm bật hơi ở đơn vị từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được nguyên âm. – Nhận biết được nguyên âm đơn, nguyên âm đôi. – Nhận biết được phụ âm thường, phụ âm căng, phụ âm bật hơi. – Hiểu được cách cấu tạo âm tiết của tiếng Hàn. – Hiểu được hiện tượng luyện âm của tiếng Hàn. – Hiểu được cách phát âm của phụ âm khi ở vị trí phụ âm cuối. <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu nghĩa và thuộc được những từ vựng cơ bản về chào hỏi, làm quen, giới thiệu (lời chào, hỏi thăm sức khỏe đơn giản...). – Hiểu nghĩa và thuộc được một số từ vựng chỉ đồ vật
Nhà trường (학교)	<ul style="list-style-type: none"> – Trường học của tôi – Lớp học của tôi – Hoạt động ở trường – Bạn học, thầy cô giáo – Hoạt động ngoại khoá – Phương pháp học tập – Thành tích học tập – Du học – Định hướng nghề nghiệp – Hệ thống giáo dục 	<p>Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nói được câu chào khi gặp mặt và chia tay. – Giới thiệu đơn giản về bản thân (tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). – Giới thiệu đơn giản về thành viên trong gia đình, bạn bè (tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). – Hỏi và trả lời về các thông tin đơn 	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu nghĩa và thuộc được những từ vựng cơ bản về chào hỏi, làm quen, giới thiệu (lời chào, hỏi thăm sức khỏe đơn giản...). – Hiểu nghĩa và thuộc được một số từ vựng chỉ đồ vật
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	<ul style="list-style-type: none"> – Thời tiết – Bốn mùa trong năm – Cỏ cây hoa lá 	<ul style="list-style-type: none"> – Hỏi và trả lời về các thông tin đơn 	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu nghĩa và thuộc được một số từ vựng chỉ đồ vật

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh - Du lịch - Tài nguyên thiên nhiên - Thiên tai - Bảo vệ môi trường - Di sản văn hoá thế giới - Đặc điểm địa lí của vùng/ khu vực... 	<p>giản (tên, quốc tịch, nghề nghiệp...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói được lời cảm ơn, xin lỗi. - Hỏi thăm sức khoẻ và trả lời về sức khoẻ của mình thế nào với các từ đơn giản. - Hỏi và trả lời về tên của đồ vật quen thuộc xung quanh. - Nói được một số câu chỉ lệnh đơn giản trong lớp học. - Nói được câu biểu đạt thái độ vui mừng khi gặp mặt. <p>Nói được câu biểu đạt ý muốn gặp lại khi chia tay một cách đơn giản.</p> <p>Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được câu chào, câu làm quen, giới thiệu (họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). - Hiểu được đoạn hội thoại ngắn, đoạn văn đơn giản về chủ đề giới thiệu, làm quen (hiểu được tình huống, rút ra được những thông tin chính: họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). 	<p>đơn giản, quen thuộc với bản thân (đồ dùng học tập, đồ vật trong lớp...).</p> <p>Ngữ pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng đúng đại từ nhân xưng. - Hiểu và sử dụng đúng đại từ chỉ thị. - Hiểu và sử dụng đúng danh mệnh đề (Danh từ + 이/다). - Làm quen với tiểu từ bổ trợ 은/는 trong cách diễn đạt “Ai/Cái gì + là + Danh từ”. - Hiểu và sử dụng đúng mẫu câu nghi vấn và trần thuật thông dụng liên quan đến chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu.
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	<ul style="list-style-type: none"> - Âm thực - Điện ảnh - Thời trang - Thể thao - Điện thoại - Internet (email, mạng xã hội...) - Phương tiện truyền thông - Ý thức nơi công cộng - Ngày lễ, ngày Tết - Hoạt động tình nguyện 	<p>Nói được câu biểu đạt ý muốn gặp lại khi chia tay một cách đơn giản.</p> <p>Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được câu chào, câu làm quen, giới thiệu (họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). - Hiểu được đoạn hội thoại ngắn, đoạn văn đơn giản về chủ đề giới thiệu, làm quen (hiểu được tình huống, rút ra được những thông tin chính: họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với tiểu từ bổ trợ 은/는 trong cách diễn đạt “Ai/Cái gì + là + Danh từ”. - Hiểu và sử dụng đúng mẫu câu nghi vấn và trần thuật thông dụng liên quan đến chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu.

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được đoạn hội thoại ngắn về nội dung hỏi và trả lời về tên các đồ vật quen thuộc trong lớp học. – Hiểu được đoạn văn ngắn giới thiệu đơn giản về người hoặc đồ vật trong lớp học. – Hiểu được một số câu chỉ lệnh đơn giản trong lớp học. <p>Viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Viết đúng quy tắc viết của chữ cái tiếng Hàn (chữ Hangeul): theo thứ tự trên, dưới, trái, phải. – Viết đúng chính tả các từ, cụm từ quen thuộc về chủ đề làm quen, giới thiệu (họ tên, quốc tịch, câu chào câu hỏi và trả lời về tên của đồ vật...). – Điền đúng thông tin đơn giản vào biểu mẫu (tên, quốc tịch, nghề nghiệp...). 	

Bậc 1.2: Năm thứ 2

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Cuộc sống thường nhật (일상 생활)	<ul style="list-style-type: none"> – Chào hỏi, làm quen – Giới thiệu – Gia đình, bạn bè – Sức khoẻ – Đi lại – Mua sắm – Giải trí – Sở thích, ước mơ – Diện mạo, tính cách – Năng lực 	<p>Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được những câu ngắn, đơn giản miêu tả về hoạt động thường ngày (đi lại, ăn uống, học, ngủ...) – Hiểu được một số chỉ lệnh đơn giản nơi công cộng. – Hiểu một số câu miêu tả sự tồn tại của người/ sự vật (có hay không có cái gì ở đâu). – Hiểu được một số câu miêu tả vị trí của sự vật. 	<p>Ngữ âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được phụ âm thường, phụ âm căng, phụ âm bật hơi trong các âm tiết ở đơn vị câu ngắn. – Nhận biết được nguyên âm đôi. – Hiểu được cách phát âm của các phụ âm cuối, đó là quy về 7 âm [ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㆁ, ㆁ, ㆁ, ㆁ]
Nhà trường (학교)	<ul style="list-style-type: none"> – Trường học của tôi – Lớp học của tôi – Hoạt động ở trường – Bạn học, thầy cô giáo – Hoạt động ngoại khoá – Phương pháp học tập – Thành tích học tập – Du học – Định hướng nghề nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được một số câu ngắn, đơn giản về địa điểm xảy ra hoạt động. – Hiểu được số đếm Hán – Hàn đơn giản. – Hiểu được một số câu đơn giản về thời gian mang tính ước lệ (sáng, trưa, chiều, tối, các mùa trong năm...). – Hiểu được một số câu diễn đạt 	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số hiện tượng luyện âm đơn giản. – Nhận biết được một số âm khó như âm bật hơi, âm căng. <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu nghĩa và thuộc được những từ vựng cơ bản về hoạt động thường ngày (ăn, uống, đi lại, ngủ, học, gặp

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	– Hệ thống giáo dục	mong muốn đơn giản. Nói: – Nói được câu ngắn, đơn giản mô tả hoạt động thường ngày (ăn, uống, đi lại, học, ngủ...).	bạn...). – Hiểu nghĩa và thuộc được những từ vựng cơ bản về miêu tả vị trí đồ vật.
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	– Thời tiết – Bốn mùa trong năm – Cỏ cây hoa lá – Danh lam thắng cảnh – Du lịch – Tài nguyên thiên nhiên – Thiên tai – Bảo vệ môi trường – Di sản văn hoá thế giới – Đặc điểm địa lí của vùng/ khu vực...	– Nói được câu ngắn, đơn giản trong các tình huống giới thiệu, miêu tả (vị trí của sự vật, địa điểm quen thuộc...). – Nói được câu đơn giản mô tả địa điểm, thời gian đơn giản của hoạt động thường ngày. – Đếm được số đếm Hán – Hàn cơ bản (1 – 20). – Nói được câu đơn giản diễn đạt việc muốn làm hành động gì đó.	– Hiểu nghĩa và thuộc được một số từ vựng chỉ đồ vật đơn giản, quen thuộc với bản thân (đồ dùng trong gia đình, tên các phòng...). – Hiểu và sử dụng đúng số đếm Hán – Hàn cơ bản (1-20). – Hiểu và sử dụng đúng từ vựng diễn đạt thời gian (các mùa của một năm, các buổi trong ngày...).
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	– Ẩm thực – Điện ảnh – Thời trang – Thể thao – Điện thoại – Internet (email, mạng xã	Đọc: – Hiểu được câu văn ngắn, đơn giản về chủ đề hoạt động hằng ngày (ăn, uống, đi lại, học, ngủ, gặp bạn...). – Hiểu được đoạn văn tương đối đơn giản (5 – 7 câu) mô tả hoạt động cơ bản của một ngày và rút ra	– Hiểu và sử dụng đúng từ vựng về các địa điểm thông dụng trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. – Hiểu và sử dụng được từ vựng diễn đạt mong muốn đơn giản.

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	hội...) – Phương tiện truyền thông – Ý thức nơi công cộng – Ngày lễ, ngày Tết – Hoạt động tình nguyện	được thông tin chính (thời gian, địa điểm...). – Hiểu được một số chỉ lệnh nơi công cộng. – Hiểu được số đếm Hán – Hàn. Viết: – Có thể sắp xếp từ thành câu đơn giản. – Có thể sắp xếp 3-5 câu ngắn thành đoạn văn đơn giản. – Có thể viết một đoạn văn ngắn, đơn giản (khoảng 3 – 5 câu) về chủ đề miêu tả đơn giản về vị trí đồ vật, hoạt động hằng ngày (có thể sử dụng từ điển, sách giáo khoa, sách bài tập). – Có thể viết được một số chỉ lệnh đơn giản dưới sự hỗ trợ của tranh ảnh minh họa. – Có thể viết được số đếm Hán – Hàn (số điện thoại...)	– Hiểu và sử dụng được một số danh từ chỉ đơn vị. Ngữ pháp: – Hiểu và sử dụng đúng tiểu từ chỉ cách (-이/가, -을/를). – Hiểu và sử dụng đúng một số tiểu từ bổ trợ thường gặp (-은/는, -와/과, -에, -에서...). – Hiểu và sử dụng đúng danh từ chỉ đơn vị. – Hiểu và sử dụng đúng số đếm thuần Hàn. – Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc câu (Chủ ngữ – Bổ ngữ – Vị ngữ). – Hiểu và sử dụng đúng các câu hỏi có từ nghi vấn (누가 – Ai, 언제-Bao giờ, 무엇 – Cái gì, 왜 – Tại sao...). – Hiểu và sử dụng đúng đuôi câu kết thúc thông dụng.

Bậc 1.3. Năm thứ 3

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<p>Cuộc sống thường nhật (일상 생활)</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Chào hỏi, làm quen – Giới thiệu – Gia đình, bạn bè – Sức khoẻ – Đi lại – Mua sắm – Giải trí – Sở thích, ước mơ – Diện mạo, tính cách – Năng lực 	<p>Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được câu đơn giản có sử dụng đuôi từ liên kết thông dụng về chủ đề liên quan hoạt động của giao tiếp đơn giản nơi công cộng (hỏi và chỉ đường, hỏi và trả lời về phương tiện, hỏi giá cả, mặc cả, thời tiết...). – Hiểu được biểu hiện đơn giản về thời thể (hiện tại, quá khứ, tương lai) của hành động. – Hiểu được biểu hiện phủ định đơn giản của hành động. 	<p>Ngữ âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt rõ âm bật hơi và âm căng trong một số từ vựng dễ nhầm lẫn về ngữ nghĩa khi phát âm nhầm lẫn hai âm này. – Hiểu quy tắc phát âm của âm nhẹ [ㄹ]. – Hiểu được quy tắc biến âm của các âm [ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㅈ] khi gặp [ㄹ].
	<p>Nhà trường (학교)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trường học của tôi – Lớp học của tôi – Hoạt động ở trường – Bạn học, thầy cô giáo – Hoạt động ngoại khoá – Phương pháp học tập – Thành tích học tập – Du học – Định hướng nghề nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được số đếm thuần Hàn cơ bản (từ 1 – 20). – Hiểu được câu đơn giản diễn đạt thời gian cụ thể (giờ, phút, thứ, ngày, tháng...). <p>Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nói được câu đơn giản có sử dụng đuôi từ liên kết thông dụng trong tình huống giao tiếp đơn giản nơi công cộng (hỏi và chỉ đường, hỏi và trả lời về phương tiện, 	<p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu nghĩa và thuộc được những từ vựng biểu hiện thời gian cụ thể (giờ, phút, giây...). – Hiểu nghĩa và thuộc

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	– Hệ thống giáo dục	mặc cả và mua bán đơn giản, miêu tả thời tiết, kế hoạch cuối tuần...).	được những từ vựng cơ bản liên quan đến hoạt động cá nhân (thời gian biểu trong ngày), hoạt động nơi công cộng (mua sắm, chỉ đường, gửi thư...), hoạt động ngoại khoá, hoạt động sở thích...
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	– Thời tiết – Bốn mùa trong năm – Cỏ cây hoa lá – Danh lam thắng cảnh – Du lịch – Tài nguyên thiên nhiên – Thiên tai – Bảo vệ môi trường – Di sản văn hoá thế giới – Đặc điểm địa lí của vùng/ khu vực...	– Trình bày được đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) với chủ đề và từ vựng quen thuộc (ví dụ: lịch trình sinh hoạt một ngày, giới thiệu gia đình, giới thiệu sở thích, phương hướng...).	– Hiểu nghĩa và thuộc được những từ vựng cơ bản liên quan đến các biểu hiện thời tiết.
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	– Âm thực – Điện ảnh – Thời trang – Thể thao – Điện thoại – Internet (email, mạng xã	– Nói được câu đơn giản, trong đó diễn đạt được thời thể (hiện tại, quá khứ, tương lai) của hành động. – Nói được biểu hiện phủ định của hành động một cách đơn giản. – Đếm được số đếm thuần Hàn cơ bản (từ 1 – 20). – Diễn đạt được các biểu hiện thời gian cụ thể (giờ, phút, thứ, ngày, tháng...).	Ngữ pháp: – Hiểu nghĩa và sử dụng được các danh từ chỉ đơn vị thông dụng. – Hiểu nghĩa và sử dụng được một số từ để hỏi (무엇 – Gì, 누가 – Ai, 누구 – Ai...).
		Đọc: – Hiểu được những câu đơn giản có sử dụng đuôi từ liên kết thông dụng về chủ đề đơn giản (miêu tả lịch trình sinh hoạt một ngày, giới thiệu gia đình, giới thiệu sở thích, kể về hoạt động mua bán đơn giản, phương hướng...).	– Hiểu và sử dụng đúng một số đuôi từ liên kết

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	hội...) – Phương tiện truyền thông – Ý thức nơi công cộng – Ngày lễ, ngày Tết – Hoạt động tình nguyện	– Hiểu được đoạn văn với những câu đơn và câu có sử dụng đuôi từ liên kết đơn giản về giới thiệu, miêu tả, hiểu được trình tự nội dung, bố cục của đoạn văn và chất lọc được những thông tin quan trọng (chủ đề, chi tiết chính). – Hiểu được biểu mẫu điền thông tin cá nhân tương đối đầy đủ (họ tên, ngày tháng năm sinh, sở thích, số điện thoại...) để có thể điền vào đó. Viết: – Có thể sắp xếp, sử dụng từ vựng cho sẵn để hoàn thành câu có sử dụng đuôi từ liên kết đơn giản. – Có thể sắp xếp khoảng 5 – 7 câu với từ vựng và ngữ pháp đã học thành đoạn văn hoàn chỉnh. – Có thể viết một đoạn văn ngắn, đơn giản (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề miêu tả, giới thiệu người, sự vật, vị trí của toà nhà... – Có thể viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày lịch trình	thông dụng để liệt kê, nêu lí do đơn giản... – Hiểu và sử dụng đúng đuôi từ thể hiện thời quá khứ.

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		<p>một ngày của bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Có thể viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) kể về sự việc đã xảy ra trong quá khứ. – Có thể viết được câu văn biểu hiện ý phủ định 	

Bậc 1.4: Năm thứ 4

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<p>Cuộc sống thường nhật (일상 생활)</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Chào hỏi, làm quen – Giới thiệu – Gia đình, bạn bè – Sức khoẻ – Đi lại – Mua sắm – Giải trí – Sở thích, ước mơ – Diện mạo, tính cách – Năng lực 	<p>Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được các con số và những thông tin ngắn khác trong những tình huống quen thuộc (giá của sản phẩm trong cửa hàng, giờ giấc trong một thông báo rõ ràng, số điện thoại ngắn...). – Hiểu được hội thoại ngắn về những tình huống đơn giản diễn ra thường ngày, trong đó, có sự đề nghị, gợi ý, nhận lời hoặc từ chối đơn giản. – Hiểu được hội thoại ngắn về miêu tả 	<p>Ngữ âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số trường hợp biến âm thông dụng (ví dụ: sự biến đổi thành âm căng của các âm [ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅅ, ㅈ] khi gặp [ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅅ, ㅈ] khi gặp [ㅂ, ㅅ, ㅈ] thành [ㅃ, ㅆ, ㅉ] khi gặp các âm [ㄴ, ㄹ]...).

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Nhà trường (학교)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường học của tôi - Lớp học của tôi - Hoạt động ở trường - Bạn học, thầy cô giáo - Hoạt động ngoại khoá - Phương pháp học tập - Thành tích học tập - Du học - Định hướng nghề nghiệp - Hệ thống giáo dục 	<p>khả năng đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những chỉ dẫn ngắn gọn (chỉ dẫn tòa nhà, cách uống thuốc...). <p>Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt được cách thức của hành động (một cách nhanh, chậm...). - Miêu tả đơn giản về ngoại hình, diện mạo của một người hay màu sắc, kích thước của sự vật. - Nói được yêu cầu, đề nghị và xử lý được tình huống khi nhận lời đề nghị một cách đơn giản (đặt hẹn, nhận lời, từ chối...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy tắc biến âm của các âm [ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅅ, ㅈ] khi gặp [ㄱ, ㄷ, ㅂ]. - Hiểu được quy tắc phát âm của âm [ㄷ]. <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ vựng miêu tả diện mạo, ngoại hình, màu sắc, kích thước...
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	<ul style="list-style-type: none"> - Thời tiết - Bốn mùa trong năm - Cỏ cây hoa lá - Danh lam thắng cảnh - Du lịch - Tài nguyên thiên nhiên - Thiên tai - Bảo vệ môi trường - Di sản văn hoá thế giới - Đặc điểm địa lí của vùng/ khu vực... 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể trình bày khả năng một cách đơn giản. - Có thể kể về một hoạt động diễn ra trong tương lai một cách đơn giản (kế hoạch cuối tuần, dự định tốt nghiệp...) <p>Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cách thức của hành động trong câu. - Hiểu được tình huống miêu tả đơn giản về diện mạo, ngoại hình, kích thước, màu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được từ vựng liên quan đến tên gọi món ăn, mùi vị cơ bản. - Hiểu nghĩa của từ vựng liên quan đến tình huống trình bày kế hoạch, dự định, giải thích, lí do... - Hiểu được một số từ chỉ tần suất. - Hiểu được một số từ

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	<ul style="list-style-type: none"> – Âm thực – Điện ảnh – Thời trang – Thể thao – Điện thoại – Internet (email, mạng xã hội...) – Phương tiện truyền thông – Ý thức nơi công cộng – Ngày lễ, ngày Tết – Hoạt động tình nguyện 	sắc... <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được tình huống hội thoại ngắn trong đó có yêu cầu, đề nghị, nhận lời, từ chối đơn giản... – Hiểu được đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) về miêu tả con người, sự vật, sở thích với từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đơn giản. – Hiểu được đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) về trình bày kế hoạch, dự định (có thể sử dụng từ điển, sách giáo khoa, sách bài tập...) Viết: <ul style="list-style-type: none"> – Có thể viết được đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) trình bày dự định kế hoạch của bản thân, trong đó có nêu lí do, mục tiêu, cách thức hành động với những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đơn giản. – Có thể viết một thông báo đơn giản, viết một mẫu tin nhắn đơn giản. – Có thể viết một lá thư đơn giản để yêu cầu, đề nghị lịch sự (thư mời, giấy mời...). – Có thể viết được đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) trình bày về việc có thể làm việc gì 	chỉ khả năng. <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được từ vựng cơ bản về chúc mừng, giải thích lí do... Ngữ pháp: <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và sử dụng đúng một số đuôi từ liên kết thông dụng để diễn đạt mục đích, lí do, kế hoạch... – Hiểu và sử dụng đúng một số động từ bổ trợ diễn đạt khả năng (- (으)ㄴ 수 있다/없다- có thể/không thể làm gì). – Hiểu và sử dụng đúng một số động từ bất quy tắc thông dụng (bất quy tắc của ㅁ, ㅂ). – Hiểu và sử dụng đúng phép kính ngữ ở mức độ đơn giản (một số

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		đó một cách đơn giản.	đuôi từ kính ngữ, một số từ kính ngữ...) – Hiểu và sử dụng đuôi từ kết thúc diễn đạt tương lai đơn giản.

Bậc 2.1: Năm thứ 5

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Cuộc sống thường nhật (일상 생활)	<ul style="list-style-type: none"> – Chào hỏi, làm quen – Giới thiệu – Gia đình, bạn bè – Sức khỏe – Đi lại – Mua sắm – Giải trí – Sở thích, ước mơ – Diện mạo, tính cách – Năng lực 	<p>Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được những hội thoại ngắn mang tính chất trao đổi, cung cấp thông tin trong các tình huống giao tiếp nơi công cộng (nhờ vả, gọi điện, ở bưu điện, nhà ga...). – Hiểu được hội thoại ngắn về tình huống thăm hỏi, thăm viếng đơn giản (hỏi thăm lâu ngày, đến chơi nhà của người khác...). – Hiểu được hội thoại ngắn về tình huống hẹn gặp thông thường (đặt hẹn, nhận lời 	<p>Ngữ âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được quy tắc phát âm của những phụ âm cuối thuộc nhóm phát âm thành [ㄷ] khi gặp ㄴ và ㅁ (몇명[면명] – mấy người, 다섯 나라[다섯 나라] – năm, nước...). – Hiểu được hiện tượng

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Nhà trường (학교)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường học của tôi - Lớp học của tôi - Hoạt động ở trường - Bạn học, thầy cô giáo - Hoạt động ngoại khoá - Phương pháp học tập - Thành tích học tập - Du học - Định hướng nghề nghiệp - Hệ thống giáo dục 	<p>cuộc hẹn, từ chối cuộc hẹn...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được hội thoại ngắn về những tình huống cảm đoán, cho phép ở nơi công cộng. - Hiểu được câu so sánh đơn giản (hơn, kém). - Hiểu và rút ra thông tin quan trọng của những thông báo ngắn gọn, được diễn đạt rõ ràng, tường minh như thông báo ở sân bay, tàu điện ngầm... <p>Nói:</p>	<p>âm ngạc hoá (만이[마지] – con cả, 밑이[미치] – dưới, 같이[가치] – cùng, 붙이다[부치다] – gắn, dán...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được hiện tượng âm bật hơi hoá (싫다 [싫타] – không thích, 좋고 [조코] – tốt/thích, 많지 [만치] – nhiều, 놓고[노코] – đặt, để...). <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ vựng liên quan đến tình huống thăm hỏi sức khoẻ, đến chơi nhà người khác... - Hiểu được từ vựng cơ bản liên quan đến cảm đoán, cho phép.
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	<ul style="list-style-type: none"> - Thời tiết - Bốn mùa trong năm - Cỏ cây hoa lá - Danh lam thắng cảnh - Du lịch - Tài nguyên thiên nhiên - Thiên tai - Bảo vệ môi trường - Di sản văn hoá thế giới - Đặc điểm địa lí của vùng/khu vực... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỏi và trả lời để trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp đơn giản nơi công cộng (nhờ vả, gọi điện, ở bưu điện, nhà ga...). - Hỏi thăm, chuyển lời hỏi thăm sức khoẻ và cung cấp thông tin về sức khoẻ. - Đưa ra yêu cầu, đề nghị về cuộc hẹn, cũng như biết cách nhận lời, từ chối. - Trình bày về nội quy, phép tắc nơi công cộng một cách đơn giản. - Nói được câu so sánh đơn giản. 	

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	<ul style="list-style-type: none"> – Âm thực – Điện ảnh – Thời trang – Thể thao – Điện thoại – Internet (email, mạng xã hội...) – Phương tiện truyền thông – Ý thức nơi công cộng – Ngày lễ, ngày Tết – Hoạt động tình nguyện 	<ul style="list-style-type: none"> – Nói được câu giải thích, nêu lí do đơn giản. Đọc: <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được đoạn văn ngắn (thư từ, email...) liên quan đến chủ đề thăm hỏi. – Hiểu được đoạn văn ngắn về chủ đề nội quy, phép tắc nơi công cộng. – Hiểu được câu so sánh đơn giản. – Hiểu được câu nêu lí do, giải thích đơn giản. Viết: <ul style="list-style-type: none"> – Có thể viết được đoạn văn ngắn (từ 7 – 10 câu) với chủ đề thăm hỏi. – Có thể viết đoạn văn ngắn trình bày về phép tắc xã giao, quy định nơi công cộng với những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đơn giản. – Có thể viết một đoạn văn ngắn trong đó có sự so sánh, giải thích. 	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và sử dụng đúng từ vựng liên quan đến giao tiếp đơn giản nơi công cộng. – Hiểu và sử dụng đúng từ vựng liên quan đến thông báo đơn giản nơi công cộng. Ngữ pháp: <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và sử dụng đúng một số động từ bổ trợ để diễn đạt sự cho phép, sự cảm đoán... – Hiểu và sử dụng đúng tiểu từ bổ trợ trong cách nói so sánh. – Hiểu và sử dụng đúng đuôi từ liên kết diễn đạt lí do. – Hiểu và sử dụng đúng các biểu hiện yêu cầu, đề nghị lịch sự...

Bậc 2.2: Năm thứ 6

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<p>Cuộc sống thường nhật (일상 생활)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi, làm quen - Giới thiệu - Gia đình, bạn bè - Sức khoẻ - Đi lại - Mua sắm - Giải trí - Sở thích, ước mơ - Diện mạo, tính cách - Năng lực 	<p>Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được hội thoại ngắn, đơn giản mang tính chất trao đổi, cung cấp thông tin một cách đa dạng (địa điểm du lịch, ẩm thực, phương pháp học tập, thi cử...). - Hiểu được hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn liên quan đến chủ đề sức khoẻ, thể lực đơn giản. - Hiểu được đoạn văn ngắn, đơn giản liên quan đến hoạt động văn hoá – xã hội, môi trường thiên nhiên xung quanh. 	<p>Ngữ âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy tắc phát âm của một số âm đặc biệt (cách phát âm của 의). - Hiểu được quy tắc phát âm của các từ kết thúc bằng phụ âm ㅅ khi kết hợp với một từ khác bắt đầu bằng nguyên âm (첫 아들 [처다들]- con trai đầu, 못 와요 [모되요]-không thể đến).
<p>Nhà trường (학교)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trường học của tôi - Lớp học của tôi - Hoạt động ở trường - Bạn học, thầy cô giáo - Hoạt động ngoại khoá - Phương pháp học tập - Thành tích học tập - Du học - Định hướng nghề nghiệp 	<p>Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể diễn đạt cách nói thể hiện sự bắt buộc. - Biết cách hỏi để xác nhận lại thông tin. - Đưa ra ý định về hoạt động nào đó. 	<p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ vựng đơn giản về các vấn đề xung quanh cá nhân (địa điểm du lịch, bảo vệ môi trường, hiểu biết xã hội...). - Hiểu nghĩa của từ vựng đơn giản miêu tả trạng thái sức khoẻ, thể lực, phương pháp tri

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	– Hệ thống giáo dục	– Diễn đạt được trạng thái sức khoẻ của bản thân một cách đơn giản (đau ở đâu, từ khi nào, triệu chứng thông thường...).	liệu đơn giản. – Sử dụng một số từ đồng nghĩa, liên tưởng đến từ trái nghĩa.
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	– Thời tiết – Bốn mùa trong năm – Cỏ cây hoa lá – Danh lam thắng cảnh – Du lịch – Tài nguyên thiên nhiên – Thiên tai – Bảo vệ môi trường – Di sản văn hoá thế giới – Đặc điểm địa lí của vùng/khu vực...	Đọc: – Hiểu được hội thoại ngắn, đơn giản mang tính chất trao đổi thông tin một cách đa dạng (địa điểm du lịch, ẩm thực, phương pháp học tập, thi cử...). – Hiểu được hội thoại ngắn về trao đổi thông tin liên quan đến sức khoẻ, thể lực đơn giản. – Hiểu được đoạn văn ngắn cung cấp thông tin hiểu biết về xã hội, hoạt động xung quanh (phương pháp giữ gìn sức khoẻ, ẩm thực, bảo vệ môi trường...)	– Biết suy luận nghĩa chữ Hán của một số từ dễ suy luận. Ngữ pháp: – Hiểu và sử dụng đúng động từ bổ trợ để diễn đạt cách nói bắt buộc. – Hiểu và sử dụng đúng đuôi từ kết thúc để xác nhận thông tin. – Hiểu và sử dụng đúng các động từ bổ trợ trong cách diễn đạt ý định. – Hiểu và sử dụng đúng đuôi từ định ngữ.
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	– Âm thực – Điện ảnh – Thời trang – Thể thao – Điện thoại – Internet (email, mạng xã	Viết: – Có thể viết được đoạn văn ngắn (từ 7 – 10 câu) trình bày kế hoạch hoạt động trong đó có nêu lí do, mục tiêu, cách thức hành động...	

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	hội...) – Phương tiện truyền thông – Ý thức nơi công cộng – Ngày lễ, ngày Tết – Hoạt động tình nguyện	– Có thể viết được đoạn văn ngắn (từ 7 – 10 câu) trình bày quan điểm, ý kiến cá nhân, đưa ra lời khuyên về vấn đề nào đó.	

Bậc 2.3: Năm thứ 7

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Cuộc sống thường nhật (일상 생활)	– Chào hỏi, làm quen – Giới thiệu – Gia đình, bạn bè – Sức khỏe – Đi lại – Mua sắm – Giải trí – Sở thích, ước mơ – Diện mạo, tính cách – Năng lực	Nghe: – Hiểu được hướng dẫn công thức nấu món ăn đơn giản (có hình ảnh minh họa). – Nghe và rút ra được những thông tin cơ bản từ những chương trình có sử dụng phương tiện nghe nhìn (tivi, audio), ví dụ: quảng cáo, tin vắn, dự báo thời tiết... Nói:	Ngữ âm: – Hiểu được quy tắc phát âm của âm bên hoá(연락 [연락] – liên lạc, 설날[설랄] – ngày lễ, 난로[날로] – lò sưởi, 팔년[팔련] – tám năm...). – Hiểu được quy tắc phát âm của âm ㄹ khi kết hợp với các âm ㅁ, ㅇ (강릉 [강능] – Gangneung, 승리 [승니] –

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Nhà trường (학교)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường học của tôi - Lớp học của tôi - Hoạt động ở trường - Bạn học, thầy cô giáo - Hoạt động ngoại khoá - Phương pháp học tập - Thành tích học tập - Du học - Định hướng nghề nghiệp - Hệ thống giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tỏ được sự cảm thông, đồng cảm, sự lo lắng, quan tâm khi nghe ai đó kể về sức khoẻ của họ. - Đưa ra được ý kiến, kinh nghiệm, lời khuyên một cách đơn giản. - Đưa ra được những cảnh báo, lời kêu gọi về một số vấn đề xã hội như thiên tai, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng... ở mức độ đơn giản. - Phỏng đoán và giả định đơn giản. 	thắng lợi...). <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng ngữ điệu. <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa của từ vựng liên quan đến món ăn, cách nấu món ăn thông thường. - Hiểu nghĩa của từ vựng liên quan đến các vấn đề thiên nhiên môi trường đơn giản. - Hiểu nghĩa của từ vựng liên quan đến các vấn đề văn hoá – xã hội đơn giản (xu hướng thời trang, điện ảnh...).
Môi trường – Thiên nhiên (환경 – 자연)	<ul style="list-style-type: none"> - Thời tiết - Bốn mùa trong năm - Cỏ cây hoa lá - Danh lam thắng cảnh - Du lịch - Tài nguyên thiên nhiên - Thiên tai - Bảo vệ môi trường - Di sản văn hoá thế giới - Đặc điểm địa lí của vùng/ khu vực... 	<p>Độc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo công thức nấu ăn đơn giản, có hình ảnh minh hoạ. - Hiểu được những thông tin chính của những đoạn viết ngắn như quảng cáo, tin vắn, dự báo thời tiết... - Hiểu được những cảnh báo, lời kêu gọi về các vấn đề thiên nhiên 	<p>Ngữ pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng đúng một số động từ hỗ trợ diễn đạt sự phỏng đoán, giả định. - Hiểu và sử dụng đúng một số động từ hỗ trợ diễn đạt kinh nghiệm, lời khuyên. - Hiểu và sử dụng đúng một số đuôi từ liên kết diễn đạt lí do.

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Văn hoá – Xã hội (문화 – 사회)	<ul style="list-style-type: none"> – Âm thực – Điện ảnh – Thời trang – Thể thao – Điện thoại – Internet (email, mạng xã hội...) – Phương tiện truyền thông – Ý thức nơi công cộng – Ngày lễ, ngày Tết – Hoạt động tình nguyện 	môi trường như thiên tai, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng... – Hiểu được hướng dẫn trò chơi và làm theo được. – Hiểu và sử dụng các từ kính ngữ và một số thành ngữ để làm phong phú thêm diễn đạt. Viết: – Viết được đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày sở thích, ước mơ, nêu lí do, mục tiêu và cách thức hành động để đạt được sở thích, ước mơ đó. – Viết được đoạn văn (khoảng 10 câu) tự giới thiệu về bản thân hoặc trình bày quan điểm, đánh giá, nhận xét về vấn đề văn hoá – xã hội (mạng internet, ý thức nơi công cộng, thời trang, phim ảnh...)	– Hiểu và sử dụng phép kính ngữ (kính ngữ bằng từ kính ngữ, kính ngữ bằng đuôi từ kết thúc...)

*** Kiến thức văn hoá**

Kiến thức văn hoá là những hiểu biết về nền văn hoá của Hàn Quốc, trong sự liên hệ so sánh với văn hoá Việt Nam. Chương trình tập trung vào những nét văn hoá cơ bản, đặc sắc và phù hợp với độ tuổi tâm lí của lứa tuổi học sinh phổ thông, qua đó, khơi gợi sự hứng thú của học sinh khi học tiếng Hàn. Đây là những nội dung mang tính chất gợi ý và có thể được sửa đổi, bổ sung trong khi biên soạn sách giáo khoa, tài liệu tham khảo sau này.

- Cách chào hỏi của người Hàn Quốc;
- Cách xưng hô trong gia đình người Hàn Quốc;
- Cách biểu hiện thái độ khi cảm ơn, xin lỗi của người Hàn Quốc;
- Văn hoá ẩm thực của người Hàn Quốc;
- Bốn mùa ở Hàn Quốc;
- Đơn vị tiền tệ của Hàn Quốc;
- Hoạt động cuối tuần của người Hàn Quốc;
- Quan niệm về chữ số của người Hàn Quốc;
- Cách diễn đạt thời gian, ngày, tháng của người Hàn Quốc;
- Cách viết địa chỉ của người Hàn Quốc;
- Hoạt động người Hàn Quốc ưa thích;
- Ngày lễ, ngày kỉ niệm ở Hàn Quốc;
- Phương tiện giao thông ở Hàn Quốc;
- Tiệc tân gia ở Hàn Quốc;
- Chế độ gia đình của người Hàn Quốc (gia đình đa thế hệ, gia đình hạt nhân...);
- Văn hoá ứng xử trong giao tiếp thông thường của người Hàn Quốc;

- Một số quy tắc ứng xử nơi công cộng của người Hàn Quốc;
- Điểm hẹn của người Hàn Quốc;
- Địa điểm du lịch tiêu biểu của Hàn Quốc;
- Nghề nghiệp người Hàn Quốc yêu thích;
- Mua sắm ở Hàn Quốc;
- Ẩm thực của Hàn Quốc;
- Thời trang của Hàn Quốc;
- Văn hoá email và tin nhắn điện thoại của người Hàn Quốc;
- Hoạt động giữ gìn sức khoẻ của người Hàn Quốc;
- Đặc điểm về tính cách của người Hàn Quốc;
- Làn sóng văn hoá Hàn Quốc – Hallyu;
- Phim truyền hình và phim điện ảnh Hàn Quốc;
- Chế độ giáo dục ở Hàn Quốc;
- Bảo vệ môi trường ở Hàn Quốc;

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp giáo dục môn Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2 phải phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo hứng thú cho học sinh; phát triển năng lực giao tiếp của học sinh trong những ngữ cảnh giao tiếp thực, liên quan tới các lĩnh vực khác nhau; giúp học sinh huy động kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa và xã hội, các năng lực ngôn ngữ, các chiến lược học ngoại ngữ đã được lĩnh hội và hình thành từ việc học ngoại ngữ 1 để có phương pháp học hiệu quả môn Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2.

Căn cứ chương trình môn Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung dạy học. Tùy vào đối tượng học sinh ở từng cấp, lớp và nội dung dạy học, giáo viên đa dạng hóa các hình thức, phương tiện dạy học và học liệu, đặc biệt sử dụng các tư liệu dạy học thực, đưa người học vào hoàn cảnh giao tiếp sát thực giúp học sinh hoàn thành các nhiệm vụ gắn với các nhiệm vụ của cuộc sống; chú trọng việc rèn luyện cả bốn kỹ năng giao tiếp: nghe, nói, đọc, viết, tuy nhiên nghe, nói đi trước một bước; kết hợp đồng thời giữa rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp với dạy và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn hoá và liên văn hoá trong đó mục tiêu cuối cùng là năng lực giao tiếp; bám sát các chủ điểm, chủ đề trong Chương trình nhằm giúp học sinh lĩnh hội các kiến thức về văn hóa Hàn Quốc.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển Chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và môn Tiếng Hàn nói riêng.

2. Đánh giá kết quả giáo dục môn Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2 phải:

- Bảo đảm độ tin cậy, tính hiệu lực, khách quan, phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học, không gây áp lực lên học sinh, hạn chế những tổn kém không cần thiết cho gia đình học sinh và xã hội.

- Căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở thời điểm kiểm tra, đánh giá.

- Kết hợp giữa:

+ Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì;

+ Đánh giá chẩn đoán, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết (ưu tiên đánh giá quá trình);

+ Đánh giá tham chiếu tiêu chí và đánh giá tham chiếu định chuẩn (ưu tiên đánh giá tham chiếu tiêu chí);

+ Đánh giá tích hợp năng lực sử dụng ngôn ngữ và đánh giá riêng lẻ từng kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), ở giai đoạn đầu có thể đánh giá riêng lẻ kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm).

- Kết hợp các hình thức đánh giá định tính và định lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và tham gia vào quá trình đánh giá.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phân bổ thời lượng dạy học

Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 được thực hiện với tổng thời lượng là 735 tiết (gồm cả số tiết ôn tập, kiểm tra và đánh giá). Trong đó, giai đoạn giảng dạy trình độ Bậc 1 có tổng số tiết là 420 tiết, giai đoạn giảng dạy trình độ Bậc 2 có tổng số tiết là 315 tiết. Số tiết học trong một tuần thống nhất cả hai giai đoạn là 3 tiết/tuần. Cụ thể như sau:

Bậc	Năm thứ	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
Bậc 1	1 (lớp 6)	3	35	105
	2 (lớp 7)	3	35	105
	3 (lớp 8)	3	35	105
	4 (lớp 9)	3	35	105
<i>Cộng toàn Bậc 1</i>				<i>420</i>
Bậc 2	5 (lớp 10)	3	35	105
	6 (lớp 11)	3	35	105
	7 (lớp 12)	3	35	105
<i>Cộng toàn Bậc 2</i>				<i>315</i>
<i>Cộng toàn Chương trình</i>				<i>735</i>

2. Biên soạn và sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo

a) Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2 là cơ sở để biên soạn, lựa chọn sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và học liệu đi kèm phục vụ cho việc dạy học tiếng Hàn ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

b) Ngữ liệu sử dụng trong sách giáo khoa Tiếng Hàn cho trường phổ thông có thể được tuyển chọn từ nguồn văn bản của người bản ngữ và những bài viết bằng tiếng Hàn của người Việt về đất nước con người Việt Nam và Hàn Quốc. Nguồn ngữ liệu cần đảm bảo: ngôn ngữ chuẩn mực, nội dung và độ khó phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, môi trường giao tiếp, học tập của người học, tính giao tiếp, tính giáo dục và tính dân tộc.

c) Các bài học có hạt nhân là các tình huống giao tiếp theo chủ đề nhất định xoay quanh các chủ điểm đã được đề xuất trong Chương trình. Các nhà biên soạn sách giáo khoa có thể lựa chọn và phân bổ những chủ đề phù hợp với nguyên tắc, điều kiện biên soạn của mình. Nội dung bài học nên bám sát nội dung Chương trình. Có thể đối chiếu, tham khảo danh mục từ vựng và ngữ pháp của Chương trình. Bên cạnh đó, các bài tập nên được cấu trúc đa dạng, đảm bảo vừa củng cố, cung cấp tri thức ngôn ngữ, vừa có thể lồng ghép, đan xen những kiến thức về văn hoá – xã hội Hàn Quốc cho người học.

3. Khai thác và sử dụng các nguồn tư liệu

Trong quá trình thực hiện Chương trình môn Tiếng Hàn – Ngoại ngữ 2, ngoài sách giáo khoa, giáo viên nên tham khảo thêm giáo trình tiếng Hàn và các loại sách, tài liệu phục vụ dạy – học tiếng Hàn được xuất bản tại Hàn Quốc hoặc các nước khác ở trình độ tương đương, phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình và lịch sử, chính trị xã hội, luật pháp, quan điểm giáo dục... của Việt Nam.

4. Điều kiện thực hiện Chương trình

a) Để thực hiện được chương trình, cần có đủ giáo viên dạy tiếng Hàn đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Giáo viên tham gia giảng dạy cần được tập huấn, quán triệt về toàn bộ nội dung của Chương trình. Hằng năm nhà trường và các Sở Giáo dục và Đào tạo cần tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

b) Có đủ cơ sở vật chất (trường, lớp, bàn, ghế, sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học ngoại ngữ...) theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với những địa phương, trường, lớp có điều kiện, cần tổ chức cho học sinh được tiếp xúc với sách báo tiếng Hàn, được xem, nghe các chương trình phát thanh, truyền hình của Hàn Quốc, cũng như được tiếp xúc, giao lưu với người Hàn để tăng thêm hứng thú học tập và rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Hàn.

c) Các Sở Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình môn tiếng Hàn tại các trường phổ thông phù hợp với đặc điểm, yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá của địa phương mình.